

Bản án số: 42/2023/DS-ST

Ngày: 26-5-2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ninh

2. Bà Trần Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:
Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 216/2022/TLST-DSĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Tài Chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc Tế Việt Nam J (tên gọi tắt là JIVF)

Địa chỉ: Lầu 15, Tòa nhà C, số 72-74 đường K, phường S, Quận 3, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Yoshikawa T – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Akita T1 – Chức vụ: Giám đốc điều hành cấp cao Bộ phận Thẩm định và Quản lý Công nợ

Người đại diện theo ủy quyền lại: Anh Lê Trương T2, sinh năm 1989; (có mặt)

Địa chỉ liên lạc: Ấp Tr, xã TĐ, huyện C, tỉnh T.

Theo văn bản ủy quyền ngày 13-02-2023.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T3, sinh năm 1980; (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 39, ấp R, xã TP, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25-8-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Trương T2 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Tài Chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc Tế Việt Nam J trình bày:

Ngày 01-7-2021, anh Trần Văn T3 ký Hợp đồng tín dụng số 930160001886339000 với Công ty Tài Chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc Tế Việt Nam J (tên gọi tắt là JIVF) theo hình thức vay tiền mặt với số tiền là 50.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng. Khi vay hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất 30,84%/năm, trả góp hàng tháng và anh T3 có ký giấy nhận nợ ngày 01-7-2021.

Từ ngày vay, anh T3 đã thanh toán tiền gốc và lãi cho JIVF đến ngày 30-6-2022 với tổng số tiền là 23.814.716 đồng (trong đó tiền gốc là 10.994.437 đồng, tiền lãi là 12.655.086 đồng, lãi quá hạn là 33.193 đồng và phí quản lý khoản vay là 132.000 đồng). Sau đó, anh T3 không tiếp tục thanh toán tiền gốc và lãi cho JIVF. JIVF đã nhiều lần liên hệ yêu cầu anh T3 tiếp tục trả nợ theo hợp đồng nhưng anh T3 đã bỏ địa phương đi đâu không rõ. Do đó, JIVF khởi kiện yêu cầu anh T3 thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 26-5-2023 là 51.967.762 đồng (trong đó, nợ gốc là 39.005.563 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 11.888.348 đồng, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 26-5-2023 là 929.851 đồng và phí quản lý khoản vay là 144.000 đồng).

Bị đơn anh Trần Văn T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nộp cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài Chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc Tế Việt Nam J. Buộc anh T3 có trách nhiệm trả cho JIVF số tiền nợ gốc là 39.005.563 đồng và tiền lãi theo Hợp đồng cấp tín dụng số 930160001886339000 ngày 01-7-2021 đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Qua xác minh, bị đơn anh Trần Văn T3 có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại ấp R, xã TP, huyện G, tỉnh T. Nhưng từ khoảng tháng 10-2022, anh T3 đã bỏ địa phương đi đâu không rõ. Anh T3 không báo với chính quyền địa phương cũng như không thông báo và không cung cấp địa

chỉ mới cho JIVF biết. Đây là trường hợp cố T3 giấu địa chỉ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G và Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của anh T3 là đúng quy định của pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn anh T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Thực tế, anh Trần Văn T3 có vay số tiền 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng của JIVF theo Hợp đồng tín dụng số 930160001886339000 ngày 01-7-2021. Hai bên thỏa thuận thời gian vay là 36 tháng; lãi suất trong hạn là 30,84%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận về phương thức trả nợ (nợ gốc và nợ lãi trả hàng tháng) và phí quản lý khoản vay là 12.000 đồng/tháng.

Sau khi vay, anh T3 đã thanh toán cho JIVF đến ngày 30-6-2022 với tổng số tiền là 23.814.716 đồng (trong đó tiền gốc là 10.994.437 đồng, tiền lãi là 12.655.086 đồng, lãi quá hạn là 33.193 đồng và phí quản lý khoản vay là 132.000 đồng). Sau đó anh T3 không tiếp tục thanh toán hết các khoản nợ còn lại. Do anh T3 bỏ địa phương, không cung cấp địa chỉ nơi ở hiện tại cho JIVF nên JIVF không thể đôn đốc anh T3 trả nợ. Do đó, JIVF căn cứ các điều khoản mà hai bên đã ký kết yêu cầu anh T3 thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 26-5-2023 là 51.967.762 đồng (trong đó, nợ gốc còn lại là 39.005.563 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 11.888.348 đồng, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 26-5-2023 là 929.851 đồng và phí quản lý khoản vay là 144.000 đồng) là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với quy định tại các điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên anh T3 phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 227, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài Chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc Tế Việt Nam J đối với anh Trần Văn T3.

Buộc anh Trần Văn T3 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 26-5-2023 là 51.967.762 (Năm mươi một triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi hai) đồng. Trong đó, nợ gốc còn lại là 39.005.563 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 11.888.348 (Mười một triệu tám trăm tám mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi tám) đồng, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 26-5-2023 là 929.851 (Chín trăm hai mươi chín nghìn tám trăm năm mươi một) đồng và phí quản lý khoản vay là 144.000 (Một trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh T3 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh T3 phải chịu số tiền 2.598.400 (Hai triệu năm trăm chín mươi tám nghìn năm trăm) đồng.

Hoàn trả cho Công ty Tài Chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc Tế Việt Nam J số tiền 1.053.500 (Một triệu không trăm năm mươi ba nghìn năm trăm) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024732 ngày 12-10-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN THỊ KIM CƯỜNG